

103 我信主耶稣歌 (wo3 xin4 zhu3 ye1su1 ge1)

1957

1957

♩ = 80

1 wo3 zhu3 ye1 - su1, wei4 wo3 ding1 si3 shi2 - jia4,
 2 wo3 zhu3 ye1 - su1, wei4 wo3 mai2 yu2 fen2 - mu4,
 3 wo3 zhu3 ye1 - su1, wei4 wo3 si3 li3 fu4 - huo2,
 4 wo3 zhu3 ye1 - su1, wei4 wo3 ci4 xia4 sheng4 - ling2,

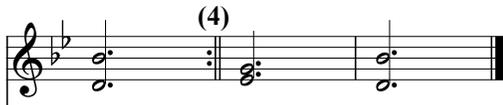
我 主 耶 稣, 为 我 钉 死 十 架,
 我 主 耶 稣, 为 我 钉 埋 于 坟 墓,
 我 主 耶 稣, 为 我 钉 埋 于 里 下 十 坟 复 活,
 我 主 耶 稣, 为 我 钉 埋 于 里 下 十 坟 复 活, 灵,

liu2 - xue4 xi1 - sheng1, shi3 wo3 de2 - zhao2 jiu4 - en1; shi2 - jia4,
 chen2 - ji4 wu2 sheng1, wei4 wo3 jing1 - li4 si3 nan2; mai2 - zang4,
 chong1 - po4 hei1 - an4, ci4 wo3 sheng1 - ming4 li4 - liang5; de2 - sheng4,
 qi3 - shi4 guang1 - zhao4, ling3 wo3 ben1 - zou3 qian2 - cheng2; qi2 - miao4,

流 血 牺 牲, 使 我 得 着 救 恩; 十 架,
 沉 寂 无 声, 为 我 经 历 死 难; 埋 葬,
 冲 破 黑 暗, 赐 我 生 命 光 亮; 复 活,
 启 示 照 亮, 领 我 奔 走 前 程; 奇 妙,

shi2 - jia4, shen2 en1 hao4 - da4! wo3 xin4, wo3 xin4, jin4 wo3 quan2
 mai2 - zang4, shen2 zi3 shou4 - ku3! wo3 xin4, wo3 xin4, zhong1 bi4 kai3 -
 de2 - sheng4, shen2 quan2 zhang3 - wo4! wo3 xin4, wo3 xin4, kao4 zhu3 gang1 -
 qi2 - miao4, shen2 en1 wu2 - jin4! wo3 xin4, wo3 xin4, rong2 - yao4 gui1

十 架, 神 恩 浩 大! 我 信, 我 信, 尽 我 全
 埋 葬, 神 子 受 苦! 我 信, 我 信, 终 必 主 凯
 得 奇, 神 权 掌 无 尽! 我 信, 我 信, 靠 主 刚
 妙, 神 恩 无 尽! 我 信, 我 信, 荣 耀 刚
 奇, 神 恩 无 尽! 我 信, 我 信, 荣 耀 刚



sheng1!
- xuan2!
- qi ang2!
shen2!



生!
旋!
强!
神! 阿 们